



# B N TIN

CÔNG TY KI M TOÁN VÀ K TOÁN AAC  
THÀNH VIÊN QU C T C A POLARIS INTERNATIONAL

Thu | u t | Ngân hàng | Tài chính doanh nghi p | K toán | Khác

S 106

Tháng 10/2009

AAC cung c p nh ng thông tin m i nh t v thu , u t , ngân hàng v.v t i Vi t Nam cho các khách hàng th ng xuyên c a AAC và b n c khác có nhu c u. Tài li u này phát hành hàng tháng b ng Ti ng Vi t và Ti ng Anh, và g i n b n c thông qua B u i n, Fax ho c b ng E-mail.



8T vi t t t

BTC

B Tài chính

BCT

B Công th ng

BL TBXH

B Lao ng, Th ng binh & Xã h i

BXD

B Xây d ng

NHNN

Ngân hàng Nhà n c

TCT

T ng C c thu

TCHQ

T ng C c H i quan

Thu GTGT

Thu Giá tr gia t ng

Thu TNDN

Thu thu nh p doanh nghi p

N

Ngh nh

TT

Thông t

Q

Quy t nh

CV

Công v n

## N i dung

Phát hành ngày 10/11/2009

Trang

Tóm t t n i dung các v n b n quan tr ng

1. Thu Giá tr gia t ng	2
- Các quy nh chung	2
- Thu su t	2
- Hoá n ch ng t	2
2. Thu Thu nh p doanh nghi p	3
3. Thu Thu nh p cá nhân	3
4. Thu khác, phí, l phí	3-4
5. Xu t nh p kh u	4
6. K toán tài chính	4-5
7. Lao ng – Ti n l ng	5-6
8. Ngân hàng	6
9. Các quy nh khác	6-8

T giá liên ngân hàng gi a VND và USD trong tháng 10/2009

8

Danh m c các v n b n m i trong tháng 09 và tháng 10/2009

8-14

## Tóm tắt nội dung các văn bản quan trọng

### THU - GTGT

#### Quy định chung

**Khai trừ thu, hoàn thu GTGT:** Các số kinh doanh trong tháng và có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, và có hàng hóa, dịch vụ bán trong nước, có số thu GTGT từ vào cả hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa kê khai trừ 200 triệu đồng trở lên thì sau khi bù trừ về số thu GTGT từ cả hàng hóa, dịch vụ bán trong nước, số thu GTGT từ vào cả kê khai trừ thì số kinh doanh không kê khai hoàn thu theo tháng, số thu GTGT từ vào cả kê khai trừ 200 triệu đồng trở lên thì số kinh doanh kê khai hoàn thu GTGT theo tháng. (CV số 4359/TCT-KK ngày 26/10/2009).

**Thu GTGT từ lợi tài sản rút vốn:** Trường hợp các cá nhân khi góp vốn vào Công ty mà công tác tài sản góp vốn là biên bản công nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản thì khi các cá nhân rút vốn, Công ty không lập hóa đơn, chỉ cần có chứng minh cá nhân rút vốn khi doanh nghiệp. Trường hợp các cá nhân khi góp vốn vào Công ty mà công tác tài sản góp vốn bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng và Công ty đã kê khai khấu trừ giá trị gia tăng thì khi các cá nhân rút vốn, Công ty lập hóa đơn thu giá trị gia tăng. (CV số 14148/BTC-TCT ngày 06/10/2009).

**Hàng đơn kê khai thu GTGT, thu TNDN:** Trường hợp thu hàng đơn kê khai số thu TNDN, thu GTGT có ghi như sau: a) Kê khai số thu TNDN có ghi số thu theo Thông số 03/2009/TT-BTC và Thông số 85/2009/TT-BTC; Vì có hàng đơn kê khai thu TNDN có ghi mã kê khai số thu thì Thông số 03/2009/TT-BTC, Thông số 85/2009/TT-BTC và Công văn số 1806/BTC-CST ngày 18/2/2009 của Bộ Tài chính. Trường hợp nhập khẩu số hàng nhập khẩu kê khai (HTKK) thì ghi tay nội dung bổ sung sau khi điền ra kê khai mã vạch ngành y tế ngành. b) Kê khai số thu GTGT có ghi 50% số thu suất thu GTGT theo Thông số 13/2009/TT-BTC và Thông số 85/2009/TT-BTC: trường hợp nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ bán ra có ghi số thu GTGT theo hàng đơn kê khai Thông số 13/2009/TT-BTC thì chỉ cần kê khai hàng đơn kê khai Thông số 85/2009/TT-BTC kể từ ngày Thông số 85/2009/TT-BTC có hiệu lực thi hành. Thu GTGT và doanh số bán hàng hóa, dịch vụ thu nhập có ghi 50% số thu suất thuế hàng nhập khẩu thu GTGT và doanh số bán hàng hóa, dịch vụ khác thu nhập áp dụng thuế suất 5% (nếu có) sau đó kê khai hàng nhập khẩu tiêu [30] và [31] trên T khai thu GTGT (mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông số 60/2007/TT-BTC). Trường hợp nhập khẩu số hàng nhập khẩu HTKK thì giá trị hàng hóa, dịch vụ và thu GTGT của nhóm hàng hóa, dịch vụ có thuế suất 10% có ghi 50% số thu suất thuế hàng nhập khẩu tiêu [30] và [31] trên T khai thu GTGT. (CV số 4028/TCT-KK ngày 01/10/2009).

#### Thu suất

**Thu suất từ việc ứng glucose, ứng mantose:** Theo quy định, ứng, phẩm trong sản xuất ứng bao gồm ứng, bã mía, bã bùn áp dụng thuế suất 5%. Theo đó, ứng glucose, ứng mantose thuộc thuế suất thu GTGT về nhập khẩu suất là 5%. (CV số 4195/TCT-CS ngày 13/10/2009).

**Thu GTGT từ việc dịch vụ thu, đơn, xử lý rác và chất thải:** Dịch vụ thu, đơn, xử lý rác và chất thải, thoát nước, xử lý nước thải cho các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng cung cấp dịch vụ riêng, dịch vụ thu, đơn, xử lý rác và chất thải, thoát nước, xử lý nước thải cho các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp không phải là dịch vụ phục vụ công cộng vì sinh, thoát nước công cộng và khu dân cư nên thuế suất nhập khẩu thu GTGT. (CV số 4121/TCT-CS ngày 06/10/2009).

**Thu GTGT từ việc ô tô cũ:** Thị trường, máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như các loại máy soi, chỉ, chụp, dụng cụ khám, chữa bệnh, các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng y tế, dụng cụ phẫu thuật, ô tô cũ, ô tô cũ, dụng cụ phẫu thuật, tim, mạch, bơm kim tiêm, truyền máu, dụng cụ phòng tránh thai và các dụng cụ, thiết bị chuyên dùng cho y tế khác; bông, băng, gạc y tế và băng vệ sinh y tế thuế suất thuế suất 5%. Theo đó, ô tô cũ thuế suất thuế suất áp dụng thuế suất thu GTGT 5%. (CV số 14094/BTC-CST ngày 6/10/2009).

#### Hóa đơn chứng từ

**Thu GTGT từ việc nhập khẩu hàng hóa nhập khẩu sau khi hàng hóa đã xuất khẩu:** Doanh nghiệp mua hàng hóa xuất khẩu thì nhập hàng hóa nhập khẩu theo quy định giao cho doanh nghiệp thì chỉ cần nhập khẩu quy định của quy định nhập hàng hóa cho doanh nghiệp mua hàng. Trường hợp doanh nghiệp mua hàng hóa xuất khẩu nhập hàng hóa không lập hóa đơn ngay khi giao hàng (khi chuyển giao quy định của hàng hóa) mà sau khi hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài rồi thì nhập khẩu nhập hàng hóa nhập khẩu giao cho doanh nghiệp xuất khẩu thì doanh nghiệp xuất khẩu không kê khai trừ thu GTGT của hàng nhập khẩu nhập khẩu mà phải tính vào chi phí xuất khẩu hàng hóa. (CV số 4198/TCT-CS ngày 13/10/2009).

**THU TNDN**

Hàng đ n u ãi thu TNDN i v i T ng Công ty B u chính VN: Theo ó, T ng công ty b u chính Vi t Nam và các n v h ch toán ph thu c T ng công ty không bao g m các công ty do T ng công ty góp v n, các n v s nghi p c h ng u ã i v i các thu nh p t các ho t ng: Thi t l p, qu n lý, khai thác và phát tri n m ng b u chính công c ng, cung c p các d ch v b u chính công ích theo chi n l c, quy ho ch, k ho ch do c quan nhà n c có th m quy n phê duy t, Cung c p các d ch v công ích khác theo yêu c u c a c quan nhà n c có th m quy n, Kinh doanh các d ch v b u chính dành riêng theo quy nh c a c quan nhà n c có th m quy n, Kinh doanh các d ch v b u chính, phát hành báo chí, chuy n phát, tài chính, ngân hàng trong và ngoài n c, tham gia các ho t ng cung c p d ch v b u chính qu c t và các d ch v khác trong khuôn kh các i u c qu c t trong lnh v c b u chính mà VN ký k t, gia nh p khi c NN cho phép, h p tác v i các doanh nghi p v n thông cung c p các d ch v v n thông và công ngh thông tin, t v n, nghiê n c u, ào t o và ng đ ng các ti n b khoa h c, công ngh trong lnh v c b u chính. Trong th i gian mi n thu , gi m thu TNDN, T ng công ty có nhi u ho t ng s n xu t, kinh doanh thì n v ph i theo dõi h ch toán riêng thu nh p c a ho t ng s n xu t kinh doanh mi n thu , gi m thu . Tr ng h p n v không h ch toán riêng thu nh p t ho t ng s n xu t kinh doanh c h ng mi n gi m thu và thu nh p t ho t ng s n xu t kinh doanh không c h ng mi n gi m thu thì ph n thu nh p t ho t ng s n xu t kinh doanh mi n thu , gi m thu xác nh b ng (=) t ng thu nh p ch u thu c a ho t ng s n xu t kinh doanh (không bao g m thu nh p khác) nhân (x) v i t l ph n (%) c a doanh thu ho t ng s n xu t kinh doanh mi n thu , gi m thu so v i t ng doanh thu c a doanh nghi p trong k tính thu . M c u ãi nh sau: c áp đ ng thu su t thu TNDN 15% trong 5 n m tính t n m 2008, c mi n thu 3 n m, k t khi có thu nh p ch u thu và gi m 50% s thu ph i n p cho 2 n m ti p theo. Tr ng h p doanh nghi p không có thu nh p ch u thu trong 3 n m u, k t n m u tiên có doanh thu thì th i gian mi n thu , gi m thu c tính t n m th t . (CV s 14440/BTC-TCT ngày 13/10/2009).

Chính sách thu TNDN: i v i ho t ng cung ng d ch v thì th i m xác nh doanh thu tính thu TNDN là th i m hoàn thành vi c cung ng d ch v cho ng i mua ho c th i m l p hóa n cung ng d ch v . Tr ng h p n v ã xu t hóa n ghi nh n doanh thu i v i vi c cung ng d ch v thì n v c trích tr c ph n chi phí t ng ng v i doanh thu khi xác nh thu nh p ch u thu TNDN. (CV s 4121/TCT-CS ngày 06/10/2009).

**THU TNCN**

Thu TNCN i v i tr ng h p c th ng c phi u, th ng quy n mua c phi u: Tr ng h p cá nhân có thu nh p t v i c nh n th ng b ng c phi u thì giá tr th ng c xác nh theo m c th ng ghi trên s sách k toán c a n v tr th ng, cá nhân ch a ph i n p thu TNCN khi nh n c phi u th ng. Sau khi nh n c phi u th ng, n u cá nhân có chuy n nh ng c phi u cùng lo i v i c phi u nh n th ng thì cá nhân ph i n p thu TNCN i v i thu nh p t ti n l ng, ti n công có c t v i c nh n c phi u th ng theo m c th ng ghi trên s sách k toán c a n v tr th ng. Ngoài ra, khi chuy n nh ng c phi u th ng, cá nhân còn ph i n p thu TNCN i v i ho t ng chuy n nh ng ch ng khoán. i v i tr ng h p cá nhân c th ng quy n mua c phi u c a Công ty thì khi nh n th ng quy n mua c phi u c ng nh khi th c hi n quy n mua c phi u, cá nhân ch a ph i n p thu TNCN. Sau khi th c hi n quy n mua c phi u, n u cá nhân có chuy n nh ng c phi u cùng lo i v i c phi u có c t v i c th c hi n quy n mua c phi u này thì cá nhân ph i n p thu TNCN i v i thu nh p t ti n l ng, ti n công có c t v i c nh n th ng quy n mua c phi u. (CV s 14169/BTC-TCT ngày 07/10/2009).

Thu TNCN i v i di n tích t t ng thêm: Tr ng h p khi o c li xác nh di n tích t ang s đ ng c c p Gi y ch ng nh n quy n s đ ng t, ho c tr ng h p ã c c p Gi y ch ng nh n quy n s đ ng t, nay o c li c p i Gi y ch ng nh n mà di n tích t có chênh l ch t ng thì thu c di n i u ch nh theo Lu t t ai v thu ti n s đ ng t, còn di n tích t t ng thêm ó không có ngu n g c t nh n chuy n nh ng thì không phát sinh ng h a v thu TNCN. (CV s 4022 ngày 01/10/2009).

**THU KHÁC, PHÍ, L PHÍ**

Hàng đ n ngh a v thu i v i t ch c cá nhân c ngoài kinh doanh t i Vi t Nam

Ngày 9/10/2009, B Tài chính ã ban hành Thông t s 197/2009/TT-BTC b sung thông t s 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 c a B Tài chính h ng đ n th c hi n ngh a v thu áp đ ng i v i t ch c, cá nhân n c ngoài kinh doanh t i Vi t Nam ho c có thu nh p t i Vi t Nam. Theo ó, trong ph m vi 20 ngày làm vi c k t khi ký h p ng, Bn Vi t Nam ký h p ng v i Nhà th u n c ngoài, Nhà th u n c ngoài ký h p ng v i Nhà th u ph n c ngoài có trách nhi m thông báo b ng v n b n v i c quan thu a ph ng n i Nhà th u n c ngoài, Nhà th u ph n c ngoài ng ký n p thu v i c Nhà th u n c ngoài, Nhà th u ph n c ngoài tr c ti p ng ký và th c hi n n p thu GTGT theo ph ng pháp kh u tr , n p thu TNDN theo t l % trên doanh thu ch u thu .

Tr ng h p các H p ng th u, H p ng th u ph c ký k t tr c ngày Thông t s 134/2008/TT-BTC có hi u l c thì vi c xác nh ngh a v thu GTGT, thu TNDN ti p t c th c hi n nh h ng đ n t i Thông t s 05/2005/TT-BTC ngày 11/1/2005 c a B Tài chính h ng đ n ch thu áp đ ng i v i các t ch c n c ngoài không có t cách pháp nhân Vi t Nam và cá nhân n c ngoài kinh doanh ho c có thu nh p phát sinh t i Vi t Nam cho n khi k t thúc h p ng. Tr ng h p i v i hàng hoá, d ch v thu c di n không ch u thu GTGT theo quy nh c a pháp lu t thu GTGT có hi u l c tr c ngày 01/1/2009 do nhà th u n c ngoài, nhà th u ph n c ngoài cung c p, k t ngày 01/1/2009 tr i thu c i t ng ch u thu GTGT thì vi c xác nh doanh thu tính thu GTGT i v i nhà th u n c ngoài, nhà th u ph n c ngoài c th c hi n theo h ng đ n t i Thông t s

134/2008/TT-BTC. ivivikhoanthu nh p c a nhà th u n c ngoài, nhà th u ph n c ngoài là cá nhân kinh doanh c thanh toán k t ngày 01/1/2009 thì th c hi n ngh a v thu thu nh p theo pháp lu t v thu TNCN. Thông t này có hi u l c thi hành k t ngày 23/11/2009.

Thu TT B ivi th hi vi n s n g n: Giá tính thu TT B kinh doanh g n là doanh thu ch a có thu GTGT v bán th hi vi n, bán vé ch i g n bao g m c ti n phí ch i g n do ng i ch i g n, hi vi n tr cho c s kinh doanh g n (g m c ti n phí b o d ng s n c ) và ti n ký qu (n u có)/ Tr ng h p kho n ký qu c tr li cho ng i ký qu thì c s s c hoàn l i s thu ã n p b ng cách kh u tr vào s thu ph i n p c a k ti p theo, n u không kh u tr thì c s s c hoàn thu theo quy nh. Tr ng h p c s kinh doanh g n có kinh doanh các lo i hàng hóa, d ch v khác không thu c i t ng chu thu tiêu th c bi t thì các hàng hóa, d ch v ó không ph i ch u thu tiêu th c bi t. (CV s 4264/TCT-CS ngày 16/10/2009),

L phí tr c b ivi tài s n g p v n: Tr ng h p tài s n c a các cá nhân ã n p l phí tr c b và ng ký quy n s h u, s d ng c a t ng cá nhân sau ó em tài s n này g p v n vào Công ty và tài s n c a t ng cá nhân ã c ng ký quy n s h u, s d ng ng tên Công ty. Nay các cá nhân này xin rút v n kh i Công ty b ng tài s n ã g p v n ng tên ch s h u là Công ty thì các cá nhân khi làm th t c ng ký quy n s h u, s d ng tài s n thu c di n ph i n p l phí tr c b. (CV s 14148/BTC-TCT ngày 06/10/2009).

Thu TT B ivi ho t ng kinh doanh d ch v v tr ng, mát-xa, karaoke: Giá tính thu TT B là doanh thu c a các ho t ng d ch v trong v tr ng, c s mát-xa và karaoke. i t ng c kh u tr thu TT B là ng i n p thu s n xu t hàng hóa thu c i t ng chu thu TT B, các c s kinh doanh d ch v không thu c i t ng c kh u tr thu TT B. (CV s 4055/TCT-CS ngày 02/10/2009).

## XU T NH P KH U

Xác nh n th c xu t trên t khai h i quan: Tr ng h p trên ó 27 t khai hàng hóa xu t kh u (M u HQ2002-XK) c quan H i quan không ghi rõ s l ng th c xu t mà ch kí tên, óng d u thì s l ng th c xu t c c n c trên v n t i n x p hàng lên ph ng ti n v n t i và hóa n th ng m i. (CV s 5892/TCHQ-GSQL ngày 01/10/2009).

## KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

### H ng d n k toán giao d ch mua bán l i trái phi u chính ph

Ngày 27/10/2009, B tài chính ban hành Thông t s 206/2009/TT-BTC v H ng d n k toán giao d ch mua bán l i trái phi u ch nh ph .

Theo ó, b sung thêm tài kho n 171 – Giao d ch mua bán l i trái phi u Chính ph vào Danh m c H th ng tài kho n k toán doanh nghi p ban hành, Tài kho n này dùng ph n ánh các giao d ch mua bán l i trái phi u Chính ph phát sinh trong k . B sung ch tiêu “Giao d ch mua bán l i trái phi u Chính ph ” – Mã s 157 trên B ng Cán i k toán. Ch tiêu này ph n ánh giá tr trái phi u Chính ph c a bên mua khi ch a k t thúc th i h n h p ng mua bán l i t i th i i m báo cáo và B sung ch tiêu “Giao d ch mua bán l i trái phi u Chính ph ” – Mã s 327 trên B ng Cán i k toán. Ch tiêu này ph n ánh giá tr trái phi u Chính ph c a bên bán khi ch a k t thúc th i h n h p ng mua bán l i t i th i i m báo cáo.

Thông t này có hi u l c thi hành sau 45 ngày, k t ngày ký

### Ch qu n lý, s d ng và trích kh u hao Tài s n c nh

Ngày 20/10/2009, B tài chính ã ban hành Thông t s 203/2009/TT-BTC v H ng d n ch qu n lý, s d ng và trích kh u hao tài s n c nh. Thông t này có hi u l c t ngày 1/1/2010 và thay th Quy t nh s 206/2003/QDD-BTC ngày 12/12/2003 v Ch qu n lý, s d ng và trích kh u hao tài s n c nh. Theo ó, thông t này áp d ng cho doanh nghi p u c thành l p và ho t ng t i Vi t Nam theo quy nh c a pháp lu t. Chi phí kh u hao tài s n c nh tính theo thông t này c s d ng xác nh chi phí c kh u tr khi tính thu thu nh p doanh nghi p. Vi c tính và trích kh u hao c th c hi n ivi t ng tài s n c nh c a doanh nghi p.

Tất c tài s n c nh hi n có c a doanh nghi p u ph i trích kh u hao, tr nh ng tài TSCD ã kh u hao h t nh ng v n còn ang s d ng, TSCD ch a kh u hao h t b m t, TSCD khác do DN qu n lý mà không thu c quy n s h u c a doanh nghi p (tr TSCD thuê tài chính), TSCD không c qu n lý, theo dõi, h ch toán trong s sách k toán c a doanh nghi p.... Các kho n chi phí kh u hao tài s n c nh quy nh t i m 2.2 m c IV ph n C, thông t s 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 c a B tài chính h ng d n thi hành m t s i u c a Lu t thu thu nh p doanh nghi p s 14/2008/QH12 và h ng d n thi hành ngh nh s 124/2008/N -CP ngày 11/12/2008 c a Chính ph quy nh chi ti t m t s i u c a Lu t thu thu nh p doanh nghi p thì không c tính vào chi phí h p lý khi tính thu thu nh p doanh nghi p.

### H ng d n x lý ch n l ch t giá trong các doanh nghi p

Ngày 15/10/2009, B Tài chính ban hành Thông t s 201/2009/TT-BTC v h ng d n x lý ch n l ch t giá trong doanh nghi p. Theo ó, ch n l ch t giá h i oái phát sinh khi thanh toán các kho n m c ti n t có g c ngo i t th c hi n d án ut xây d ng và ch n l ch t giá h i oái phát sinh khi ánh giá l i các kho n m c ti n t có g c ngo i t cu i n m tài chính trong giai o n ut xây d ng hình thành tài s n c nh c a doanh nghi p m i thành l p c ph n nh l y k , riêng bi t trên b ng cân i k toán, và c phân b không quá 5 n m sau khi tài s n c a vào s d ng.

- **ivithik** doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, chênh lệch giá trị oái phát sinh khi thanh toán các khoản nợ có gốc ngoại tệ ghi nhận là thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính.
- **ivithik** giith, thanh lý doanh nghiệp thì chênh lệch giá trị oái phát sinh khi thanh toán các khoản nợ có gốc ngoại tệ ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí thanh lý doanh nghiệp.
- Chênh lệch giá do ảnh hưởng giá trị ngoại tệ cuối năm, tín dụng, tín dụng chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ (1 năm trở xuống) thì thì i m l p báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà số trên báo cáo tài chính, năm sau ghi bút toán ngược xóa số.
- **ivichênh** lệch giá trị oái phát sinh do vì ảnh hưởng giá trị cuối năm của các khoản nợ có gốc ngoại tệ dài hạn (trên 1 năm), sau khi bù trừ chênh lệch hạch toán vào doanh thu hoặc thu nhập tài chính. Trường hợp hạch toán chênh lệch giá trị oái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị thì có thể phân bổ một phần vào năm sau công ty không bị hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất công bố chênh lệch giá cả số ngoại tệ dài hạn phải năm đó. Thời gian phân bổ thì a không quá 5 năm.

Thông tin này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể ngày ký và thay thế Thông tin số 44/TC-TCĐN ngày 8/7/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch giá trong doanh nghiệp nhà nước và Thông tin số 38/2001/TT-BTC ngày 05/6/2001 của Bộ Tài chính sửa, bổ sung Thông tin số 44/TC-TCĐN ngày 8/7/1997

Quy định về quy ký trích khấu hao và quy định về tiêu hao số nguyên vật liệu: Doanh nghiệp chấp hành quy định pháp luật trích khấu hao tài sản cố định. Hàng năm doanh nghiệp phải quy định mức trích khấu hao TSC theo quy định của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phải xây dựng mức tiêu hao hợp lý nguyên, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa số vào sản xuất, kinh doanh và thông báo cho cơ quan thuế để kiểm tra. Trường hợp doanh nghiệp không thông báo mức tiêu hao nguyên vật liệu về cơ quan thuế thì bị xử phạt theo quy định. (CV số 4121/TCT-CS ngày 06/10/2009).

## LAO NG TI N L NG

Lưu ý về việc lao động Việt Nam làm việc cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài tại Việt Nam: Ngày 30/10/2009, Chính phủ ban hành Nghị định 98/2009/N-CP quy định về việc lao động Việt Nam làm việc cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức cá nhân nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài tại Việt Nam. Theo đó: mức lương tối thiểu vùng dùng để công nhân lao động làm công việc giản nh t trong i u ki n lao động bình thường cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức cá nhân nước ngoài, tổ chức cá nhân nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Doanh nghiệp) như sau

- Mức 1.340.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng I;
- Mức 1.190.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng II; Mức
- Mức 1.040.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng III;
- Mức 1.000.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng IV.

Tiền lương tối thiểu trả cho người lao động qua học nghề (kể lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng.

Mức lương tối thiểu này dùng làm căn cứ tính các mức lương trong thang lương, bảng lương, các loại phụ cấp lương, tính các mức lương ghi trong hợp đồng lao động, th c hi n các ch khác do doanh nghiệp xây dựng và ban hành theo thẩm quyền do pháp luật lao động quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010.

Mức lương tối thiểu vùng đối với lao động làm việc Công ty, Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động: Ngày 30/10/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2009/N-CP về mức lương tối thiểu vùng đối với lao động làm việc Công ty, Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động. Theo đó, mức lương tối thiểu vùng dùng để công nhân lao động làm công việc giản nh t trong i u ki n lao động bình thường các doanh nghiệp theo các vùng như sau:

- Mức 980.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng I;
- Mức 880.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng II;
- Mức 810.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thu cấp vùng III;
- Mức 730.000 đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn thu cấp vùng IV.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010.

Sửa, bổ sung TT 04/2009/TT-BL TBXH: Ngày 16/10/2009, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành TT 34/2009/TT-BL TBXH về sửa, bổ sung TT số 04/2009/TT-BL TBXH ngày 22/01/2009, theo đó: Trung tâm giám sát và thi công xây dựng công trình ngày 02 hàng tháng, báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) về việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, tuyển dụng, giám sát thi công và dự kiến cho người thất nghiệp trên địa bàn; nh k sáu tháng tr c ngày 10 tháng 7, hàng năm trước ngày 10 tháng

01 báo cáo về S Lao động – Thương binh và Xã hội, B Lao động – Thương binh và Xã hội (Cố Vấn Cố Vấn) tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương, giá trị của việc làm và dự kiến cho ngành dệt may trên toàn quốc. Thông tin này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

### NGÂN HÀNG

#### Sửa i, bổ sung hướng dẫn về cho vay trả lãi suất:

Ngày 09/10/2009, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tin số 21/2009/TT-NHNN, sửa i, bổ sung một số điều của Thông tin số 05/2009/TT-NHNN ngày 07/04/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành về chi trả lãi suất và các thủ tục, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện từ mới phát triển sản xuất - kinh doanh.

Theo đó, ngoài các ngành, lĩnh vực cho vay trả lãi suất hiện nay thì các khoản cho vay đáp ứng nhu cầu vốn lưu động mà chủ sản xuất - kinh doanh trên 12 tháng thuộc các ngành, lĩnh vực kinh tế cho vay trả lãi suất cũng là lĩnh vực cho vay trả lãi suất. Thông tin nêu rõ các khoản cho vay trung, dài hạn của NHTM, Công ty tài chính không thu lãi suất cho vay trả lãi suất bao gồm: Các khoản cho vay bằng ngoại tệ; Các khoản cho vay bằng đồng Việt Nam nộp trực tiếp cho Ngân sách Nhà nước các khoản thu, phí, lệ phí; các khoản cho vay bằng đồng Việt Nam mua ngoại tệ thanh toán cho nước ngoài từ nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng hoặc thanh toán cho nhà phân phối trong nước thì mua các mặt hàng tiêu dùng có nguồn gốc nhập khẩu từ nước ngoài vì mục đích làm vtt, vttliu và tài sản thực hiện dự án đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, mà các mặt hàng tiêu dùng nhập khẩu này thuộc Danh mục hàng tiêu dùng quy định tại Quy định số 07/2007/QĐ-BTM, Quy định số 10/2008/QĐ-BCT, Quy định số 27/2008/QĐ-BCT; các khoản vay của công ty kinh doanh vào các ngành, lĩnh vực kinh tế theo Quy định số 477/2004/QĐ-NHNN và Quy định số 143 TCTK/PPC. Ngoài ra, NHNN cũng quy định về thủ tục chi trả lãi suất và các khoản phí khách hàng có mặt, báo lãnh giá trị cố giá hoặc khách hàng có tín dụng tại NHTM, công ty tài chính như sau: về giá trị cố giá mua hoặc phát sinh từ ngày 1-2-2009, thì NHTM, công ty tài chính thực hiện chi trả lãi suất cho toàn bộ đơn vị vay phát sinh; về giá trị cố giá mua hoặc phát sinh kể từ ngày 01/2/2009, thì NHTM, công ty tài chính thực hiện chi trả lãi suất và chi phí nđn cho vay bằng tín dụng chèn lch giá sđn cho vay so với giá trị cố giá của các khoản cho vay trả lãi suất khách hàng có tín dụng tại NHTM, công ty tài chính đã phát sinh kể từ ngày 1/2/2009, chi trả chi phí trả lãi suất và chi phí nđn cho vay bằng tín dụng chèn lch giá sđn cho vay so với giá trị tài khoản tín dụng của khách hàng.

Thông tin này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

### QUY ĐỊNH KHÁC

#### Quy định về nội địa Phấn thạch:

Ngày 19/10/2009, Chính phủ ban hành nghị định số 87/2009/NĐ-CP về nội địa phấn thạch, thay thế Nghị định 125/2003/NĐ-CP ngày 29/10/2009 về nội địa phấn thạch quốc tế. Theo đó, hàng hóa nội địa phấn thạch quốc tế các mỏ kiểm tra chất lượng, trọng lượng, thành phần và độ tinh khiết có độ ưu việt chuyên ma túy, vôi và các loại hàng khác. Một số tiêu chí doanh nghiệp, hợp tác xã Việt Nam và doanh nghiệp xuất khẩu ngoài thị trường Việt Nam kinh doanh phấn thạch quốc tế là duy trì tài sản tín dụng từ 80.000 SDR (tức Quy định rút vốn của bất kỳ nền kinh tế nào do IMF quy định) hoặc có báo lãnh tín dụng và phí có giá trị phép kinh doanh nội địa phấn thạch quốc tế. Về các quy định phép kinh doanh nội địa phấn thạch quốc tế (có giá trị 5 năm kể từ ngày cấp) thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải cấp giấy phép cho DN. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2009. Các thủ tục cấp giấy phép kinh doanh nội địa phấn thạch còn tồn tại hiện theo Nghị định số 125/2003/NĐ-CP phải làm thủ tục xin cấp giấy phép kinh doanh nội địa phấn thạch sau khi hoàn thành hồ sơ cấp giấy phép kinh doanh nội địa phấn thạch.

Phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ III năm 2009: Ngày 08/10/2009, Bộ Tài chính ban hành Quy định số 2476/QĐ-BTC về việc phát hành Trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ III năm 2009. Theo đó, trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ phát hành này có hạn 01 năm và khối lượng là 200 triệu USD. Thời gian phát hành từ ngày 10/10/2009 đến hết 20/10/2009 theo phương thức báo lãnh phát hành. Trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ có niên hạn, giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và có lãi suất thả nổi áp dụng cho các khoản vay lãi suất trên do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Chi số của trái phiếu chuyển nhượng, thế chấp, hoặc sử dụng làm thế chấp trong các quan hệ tín dụng... như thế, chi số của trái phiếu phải kê khai và nộp thuế về lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

#### Hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu

Ngày 02/10/2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tin số 194/2009/TT-BTC, hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty niêm yết, chứng khoán của quỹ đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư. Theo đó, có hai trường hợp phải chào mua công khai theo quy định, đó là: (1) Thủ tục, cá nhân và người có liên quan của công ty niêm yết có ý định chào mua công khai theo quy định mà có ý định mua dự kiến số vốn 25% trở lên số cổ phiếu có quy định của quy định của pháp luật và hành của công ty niêm yết hoặc 25% trở lên số chứng khoán; (2) Thủ tục, cá nhân và người có liên quan của công ty niêm yết 25% trở lên số cổ phiếu có





9. Q s 116/2009/Q -TTg ngày (29/09/2009) v vi c b sung danh m c hàng hóa, d ch v th c hi n binh n giá.
10. Q s 1556/Q -TTg (29/09/2009) v vi c ban hành k ho ch tri n khai nghiên c u c i cách t ng th chính sách ti n l ng vào n m 2011.
11. Q s 118/2009/Q -TTg (30/09/2009) v vi c s a i, b sung m t s i u c a Q s 144/2006/Q -TTg ngày 20/6/2006 c a Th t ng Chính ph quy nh áp d ng h th ng qu n lý ch t l ng theo tiêu chu n TCVN ISO 9001:2000 vào ho t ng c a các quan hành chính nhà n c.
12. CV s 6801/VPCP-KTTH (30/09/2009) v vi c gia h n n p thu thu nh p doanh nghi p n m 2008.
13. N s 80/2009/N -CP (01/10/2009) v vi c quy nh xe ô tô c a ng i n c ngoài ng ký t i n c ngoài có tay lái bên ph i tham gia giao thông t i Vi t Nam.
14. Q s 119/2009/Q -TTg (01/10/2009) v vi c ban hành Quy ch Chuyên gia n c ngoài th c hi n các ch ng trình, d án ODA.
15. Ch th s 1565/CT-TTg (06/10/2009) v vi c tri n khai thi hành Lu t trách nhi m b i th ng c a Nhà n c.
16. Ch th s 1565/CT-TTg (06/10/2009) v vi c tri n khai thi hành Lu t trách nhi m b i th ng c a Nhà n c.
17. CV s 6977/VPCP- MDN (08/10/2009) v vi c xác nh c ph n ph thông b h n ch chuy n nh ng c a c ông sáng l p.
18. CV s 6271/VPCP-KTTH (10/10/2009) v vi c s a i, b sung Bi u khung thu xu t kh u, thu nh p kh u.
19. Q s 112/2009/QD-TTg (11/09/2009) quy nh ch c n ng, nhi m v , quy n h n và c c u t ch c c a y ban Ch ng khoán Nhà n c tr c thu c B Tài chính.
20. N s 82/2009/N -CP (12/10/2009) v vi c s a i, b sung m t s i u c a N s 63/2008/N -CP ngày 13/5/2008 c a Chính ph v phí b o v môi tr ng i v i khai thác kho ng s n.
21. CV s 6356/VPCP-KTTH (15/09/2009) v vi c thu, n p phí x ng d u.
22. N s 76/2009/ND-CP (15/09/2009) v s a i, b sung m t s i u c a N s 204/2004/ND-CP ngày 14 tháng 12 n m 2004 c a Chính ph v ch ti n l ng i v i cán b , công ch c, viên ch c và l c l ng v trang.
23. Q s 1450/QD-TTg (16/09/2009) v vi c thành l p Ban công tác v tài chính quy mô nh .
24. Q s 1451/QD-TTg (16/09/2009) v vi c thành l p ti u ban v t ch t- h u c n thu c y ban qu c gia v Asean 2010
25. N 87/2009/N -CP (19/10/2009) v vi c v n chuy n a ph ng th c.
26. N s 88/2009/N -CP (19/10/2009) v vi c c p Gi y ch ng nh n quy n s d ng t, quy n s h u nhà và tài s n khác g n l i n v i t.
27. CV 7337/VPCP-KTTH (20/10/2009) c a V n phòng Chính ph v vi c phân b giá tr quy n s d ng t khi tính thu i v i chuy n nh ng c n h nhà cao t ng.
28. N 90/2009/N -CP (20/10/2009) v vi c quy nh v x ph t vi ph m hành chính trong ho t ng hóa ch t.
29. Q s 1699/Q -TTg (20/10/2009) v vi c thi t l p c s d li u qu c gia v th t c hành chính.
30. N 97/2009/N -CP (20/10/2009) v m c l ng t i thi u vùng i v i lao ng làm vi c Công ty, Doanh nghi p, h p tác xã, t h p tác, trang tr i, h gia inh, cá nhân và các t ch c khác c a Vi t Nam có thuê m n lao ng.
31. N 98/2009/N -CP (30/10/2009) quy nh v M c l ng t i thi u i v i lao ng Vi t Nam làm vi c cho doanh nghi p có v n u t n c ngoài, c quan, t ch c n c ngoài, t ch c qu c t và cá nhân ng i n c ngoài t i Vi t Nam

## B Tài chính

1. CV s 12533/BTC-TCHQ (07/09/2009) v vi c th t c h i quan hàng hóa a t kho ngo i quan vào n i a sau khi ã c chuy n nh ng quy n s h u.
2. CV s 12911/BTC-KBNN (14/09/2009) v vi c ghi thu, ghi chi ngân sách nhà n c v n vi n tr không hoàn l i.
3. TT s 179/2009/TT-BTC (14/09/2009) v vi c s a i m c thu su t thu nh p kh u u ã i v i m t s m t hàng trong Bi u thu nh p kh u u ãi.
4. CV s 13038/BTC-HTQT (15/09/2009) v vi c b sung Thái Lan vào danh sách n c c h ng thu AJCEP.
5. TT s 184/2009/TT-BTC (15/09/2009) v vi c quy nh ch thu, n p và qu n lý s d ng l phí c p gi y phép ho t ng khoáng s n, l phí c quy n th m dò khoáng s n.
6. CV s 13242/BTC-TCHQ (18/09/2009) v vi c xác nh hi u l c t khai h i quan i v i hàng hóa xu t kh u g i kho CFS.
7. CV s 11660/BTC-TCT (20/09/2009) v vi c chính sách thu thu nh p cá nhân i v i l nh v c xã h i hóa.
8. CV s 13291/BTC-CST (21/09/2009) v vi c ban hành Bi u thu m i.
9. TT s 173/2009/TT-BTC (27/09/2009) v vi c h ng d n s a i, b sung m t s i u t i các Q s 36/2008/Q -BTC ngày 12/6/2008 ; Q s 111/2008/Q -BTC ngày 01/12/2008 c a B tr ng B Tài chính.
10. TT s 187/2009/TT-BTC (29/09/2009) v vi c quy nh m c thu, ch thu, n p và qu n lý s d ng phí th m nh i u ki n ho t ng v khoa h c, công ngh và l phí c p gi y ch ng nh n ng ký ho t ng khoa h c và công ngh .
11. TT s 188/2009/TT-BTC (29/09/2009) v vi c ban hành danh m c hàng hóa và thu su t thu nh p kh u áp d ng h n ng ch thu quan.
12. TT s 189/2009/TT-BTC (30/09/2009) v vi c h ng d n vi c i u ch nh m c thu su t thu nh p kh u u ãi i v i m t s m t hàng nguyên l i u kháng sinh trong bi u thu nh p kh u u ãi.

13. TT s 190/2009/TT-BTC (30/09/2009) v vi c chi ti t thêm mã s HS m t hàng kính thu c nhóm 7005 trong bi u thu nh p kh u u ãi.
14. CV s 13858/BTC-TCT (30/09/2009) v vi c mi n thu thu nh p cá nhân cho ng i n c ngoài th c hi n ch ng trình, d án ODA t i Vi t Nam.
15. TT s 192/2009/TT-BTC (01/10/2009) v vi c h ng d n th i m n p t i n s d ng t i v i d án khu ô th m i, d án nhà , d án h t ng k thu t khu công nghi p t i Ngh quy t s 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 c a Chính ph .
16. TT s 193/2009/TT-BTC (01/10/2009) v vi c quy nh chi ti t thi hành N s 97/2007/N -CP ngày 07/6/2007 c a Chính ph quy nh v x lý vi ph m hành chính và c ng ch thi hành Q hành chính trong lnh v c h i quan và N s 18/2009/N -CP ngày 18/02/2009 c a Chính ph s a i, b sung m t s i u c a N s 97/2007/N -CP.
17. TT s 194/2009/TT-BTC (02/10/2009) c a B Tài chính v vi c h ng d n chào mua công khai c phi u c a công ty i chúng, ch ng ch qu c a qu ut ch ng khoán i chúng d ng óng.
18. CV s 5961/TCHQ-KTTT (05/10/2009) v vi c v ng m c hoàn thu giá tr gia t ng.
19. CV 14021/BTC-CST (05/10/2009) v vi c x lý thu nh p kh u ng gang c u.
20. CV 14040/BTC-CST (05/10/2009) v vi c thu xu t kh u g do B Tài chính ban hành.
21. CV 14093/BTC-TCHQ (06/10/2009) v vi c x lý t i n ph t ch m n p.
22. CV 14094/BTC-CST (06/10/2009) v vi c thu giá tr gia t ng i v i ô tô c u th ng nh p kh u.
23. CV 14148/BTC-TCT (06/10/2009) v vi c chính sách thu i v i tài s n rút v n CV 14054/BTC-CST (05/10/2009) v vi c thu tiêu th c bi t i v i xe ch y i n trong nhà máy.
24. CV 14169/BTC-TCT (07/10/2009) v vi c chính sách thu thu nh p cá nhân.
25. Q s 2476/Q -BTC (08/10/2009) v vi c phát hành trái phi u Chính ph b ng ngo it t III n m 2009.
26. CV 14226/BTC-CST (08/10/2009) v vi c chính sách thu giá tr gia t ng i v i hoá n i lý xu t h hăng tàu n c ngoài.
27. CV 14340/BTC-CST (09/10/2009) v vi c mi n thu nh p kh u hàng hóa t o tài s n c nh c a d án ut b ng ngu n v n ODA.
28. TT s 197/2009/TT-BTC (09/10/2009) v vi c b sung TT s 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 c a B Tài chính h ng d n th c hi n ngh a v thu áp d ng i v i t ch c, cá nhân n c ngoài kinh doanh t i Vi t Nam ho c có thu nh p t i Vi t Nam.
29. CV 14375/BTC-CST (12/10/2009) v vi c áp d ng i u c qu c t trong th c hi n chính sách thu .
30. CV 14389/BTC-TCT (12/10/2009) v vi c giá tính thu tài nguyên xu t kh u do B Tài chính ban hành.
31. CV 14440/BTC-TCT (13/10/2009) v vi c h ng d n u ãi thu thu nh p doanh nghi p i v i T ng công ty b u chính Vi t Nam.
32. TT s 180/2009/TT-BTC (14/10/2009) h ng d n th c hi n m c thu su t thu nh p kh u u ãi i v i m t s m t hàng thu c nhóm 2710 t i bi u thu nh p kh u u ãi.
33. TT s 181/2009/TT-BTC (14/10/2009) d n th c hi n Q s 96/2009/QĐ-TTg ngày 22/7/2009 c a Th t ng Chính ph s a i, b sung m t s i u c a các Q s 65/2009/QĐ-TTg, Quy t i 85nh s 66/2009/QĐ-TTg và Q s 67/2009/QĐ-TTg.
34. TT s 182/2009/TT-BTC (14/10/2009) h ng d n n i dung và m c chi phí cho công tác tuyên truy n, v n ng hi n máu tình nguy n.
35. CV 14573/BTC-TCT (15/10/2009) v vi c thu giá tr gia t ng i v i ho t ng i u tr a c b n.
36. TT s 183/2009/TT-BTC (15/10/2009) h ng d n c p bù lãi su t do th c hi n chính sách cho vay u ãi lãi su t theo ch ng trình h tr các huy n nghèo t i Ngh quy t s 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 c a Chính ph .
37. TT s 200/2009/TT-BTC (15/10/2009) v vi c quy nh m c thu, ch thu, n p, qu n lý và s d ng phí th m nh H p ng chuy n giao công ngh .
38. TT s 201/2009/TT-BTC (15/10/2009) v vi c h ng d n x lý các kho n chênh l ch t giá trong doanh nghi p.
39. CV 14550/BTC-TCHQ (15/10/2009) v vi c gia h n n p thu giá tr gia t ng.
40. CV 14573/BTC-TCT (15/10/2009) v vi c thu giá tr gia t ng i v i ho t ng i u tr a c b n.
41. CV s 3793/TCT-PC (17/10/2009) v vi c chính sách thu i v v ois hàng hóa b h h ng, t n th t.
42. TT 203/2009/TT-BTC (20/10/2009) v H ng d n ch qu n lý, s d ng và trích kh u hao tài s n c nh.
43. CV 14993/BTC-TCNH (26/10/2009) v vi c xác nh h tr theo Quy t nh 548/Q -TTg và Thông t 122/2009/TT-BTC.
44. CV 14995/BTC-TCHQ (26/10/2009) v vi c h ng d n thu tiêu th c bi t xe ô t o chuyên dùng.
45. CV 15057/BTC-TCT (27/10/2009) v vi c chính sách thu giá tr gia t ng.
46. TT 206/2009/TT-BTC (27/10/2009) v H ng d n k toán giao d ch mua bán l i trái phi u ch nh ph .
47. CV 15182/BTC-TCHQ (28/10/2009) v vi c h ng d n th t c h i quan i v i hàng hóa nh p kh u, t m nh p không nh m m c ích th ng m i do B Tài chính ban hành.
48. CV 15238/BTC- T (28/10/2009) v vi c th c hi n m t s gi i pháp v qu n lý, thanh toán các ngu n v n ut xây d ng c b n n m 2009.
49. CV 15183/BTC-TCHQ (28/10/2009) v vi c v ng m c th t c xu t kh u chuy n c a kh u i v i hàng hóa ã nh p kh u nh ng phi i tái xu t.

50. CV 15260/BTC-HTQT (29/10/2009) v/vi c thu su t u ãi c bi t CEPT cho m t hàng l p c xe năng.
51. CV 15423/BTC-CST (30/10/2009) v/vi c chính sách thu xu t nh p kh u.

### B Lao ng Th ng binh xã h i

1. CV s 3508/L TBXH-L TL (21/09/2009) v/vi c áp d ng m c l ng t i thi u và thang l ng.
2. Q s 1199/Q -L TBXH (22/09/2009) v/vi c thành l p B o hi m th t nghi p.
3. TTLT s 32/2009/TTLT-BLDTBXH-BNV (21/09/2009) h ng d n nhi m v , quy n h n, c c u t ch c và nh m c cán b , nhân viên c a c s b o tr xã h i công l p.
4. CV s 3565/L TBXH-L TL (24/09/2009) v/vi c gi i áp chính sách i v i ng i lao ng khi c ph n hóa.
5. CV s 3617/L TBXH-L TL (28/09/2009) v/vi c x p h ng doanh nghi p.
6. CV s 3666/L TBXH-L TL (30/09/2009) v/vi c h ng d n pháp lu t lao ng.
7. CV s 3676/L TBXH-NCC (01/10/2009) v/vi c gi i quy t ch b o hi m y t và mai táng phí theo Q s 290/2005/Q -TTg.
8. CV s 3731/L TBXH-L TL (05/10/2009) v/vi c áp d ng m c l ng t i thi u.
9. CV s 3784/L TBXH-BHXH (07/10/2009) v/vi c gi i quy t ch ngh vi c h ng b o hi m xã h i i v i ng i lao ng.
10. CV s 3776/L TBXH-L TL (06/10/2009) v/vi c h ng d n pháp lu t lao ng.
11. CV s 3844/L TBXH-L TL (12/10/2009) v/vi c h ng d n vi c tr l ng, th ng i v i ng i i di n ph n v n góp c a nhà n c.
12. CV s 3745/L TBXH-L TL (12/10/2009) v/vi c xây d ng và ng ký thang b n l ng.
13. CV s 3847/L TBXH-KHTC (12/10/2009) v/vi c xác nh nhu c u, ngu n th c óng góp Qu b o hi m th t nghi p theo N 127/2008/N -CP.
14. CV s 3879/L TBXH-L TL (14/10/2009) v/vi c ch m d t h p ng lao ng và thanh toán tr c p thôi vi c.
15. CV s 3978/L TBXH-L TL (15/10/2009) v/vi c áp d ng ch ph c p thu hút.
16. CV s 3915/L TBXH-L TL (15/10/2009) v/vi c áp d ng m c l ng t i thi u.
17. CV s 3916/L TBXH-QLL NN (15/10/2009) v/vi c a lao ng sang làm nhân viên b o v UAE.
18. CV s 3919/L TBXH-L TL (15/10/2009) v/vi c h ng d n pháp lu t lao ng.
19. CV s 3922/L TBXH-L TL (15/10/2009) v/vi c x p l ng trong công ty c ph n.
20. CV s 3925/L TBXH-L TL (15/10/2009) v/vi c tr c p thôi vi c, m t vi c theo N s 64/2002/N -CP.
21. TT s 34/2009/TT-BL TBXH (16/10/2009) v/vi c s a i, b sung TT s 04/2009/TT-BL TBXH ngày 22/01/2009 c a B Lao ng, Th ng binh và Xã h i h ng d n thi hành m t s i u c a N s 127/2008/N -CP ngày 12/12/2008 c a Chính ph quy nh chi ti t và h ng d n thi hành m t s i u c a Lu t B o hi m xã h i v b o hi m th t nghi p.
22. CV s 3489/L TBXH-LDTL (17/10/2009) v/vi c h ng d n pháp lu t lao ng.
23. CV s 3968/L TBXH-L TL (21/10/2009) v/vi c ch tr c p thôi vi c.
24. CV s 3988/L TBXH-L TL (21/10/2009) v/vi c phê duy t ph ng án gi i quy t chính sách lao ng đôi d trong doanh nghi p.
25. CV s 3989/L TBXH-L TL (21/10/2009) v/vi c Quy ch th ng an toàn i n.
26. CV s 4002/L TBXH-VL (22/10/2009) v/vi c tri n khai th c hi n chính sách b o hi m th t nghi p.

### B Công th ng

1. CV s 8891/BCT-XXK (08/09/2009) v/vi c u ãi thu 0% i v i m t hang ph tùng xe máy c a Lào.
2. Q s 5041/Q -BCT (12/10/2009) v/vi c b sung m t s ch t vào Danh m c ti n ch t s d ng trong lnh v c công nghi p ban hành kèm theo Q s 134/2003/Q -BCN ngày 25/8/2003 và s 04/2004/Q -BCN ngày 07/01/2004 c a B tr ng B Công nghi p.
3. TT s 29/2009/TT-BCT (15/10/2009) v/vi c s a i, b sung TT s 16/2008/TT-BCT ngày 09/12/2008 c a B tr ng B Công th ng h ng d n vi c nh p kh u các m t hàng thu c danh m c qu n lý nh p kh u theo h n ng ch thu quan n m 2009.

### B Xây d ng

1. CV s 2086/BXD-H XD (29/09/2009) v/vi c hình th c góp v n c a các bên h p doanh.
2. CV s 125/BXD-KTXD (02/10/2009) v/vi c v ng m c trong qu n lý chi phí u t xây d ng công trình.
3. Q s 398/Q -BXD (14/09/2009) v/vi c công nh n n ng l c th c hi n các phép th c a phòng thí nghi m chuyên ngành xây d ng.
4. Q s 399/Q -BXD (14/09/2009) v/vi c công nh n n ng l c th c hi n các phép th c a phòng thí nghi m chuyên ngành xây d ng.
5. Q s 400/Q -BXD (14/09/2009) v/vi c công nh n n ng l c th c hi n các phép th c a phòng thí nghi m chuyên ngành xây d ng.

6. Q s 401/Q -BXD (14/09/2009) v vi c công nh n b sung n ng l c th c hi n các phép th c a phòng thí nghi m chuyên ngành xây d ng.
7. Q s 907/Q -BXD (14/09/2009) phê duy t t ng d toán v n i ng th c hi n d án ch ng trình quy ho ch môi tr ng ô th Vi t Nam do c ng ng Châu Âu (EC) tài tr không hoàn l i.
8. Q s 912/Q -BXD (14/09/2009) phê duy t d toán chi phí th c hi n d án quy ho ch xây d ng h th ng các tr ng i h c, cao ng t i vùng Tp H Chí Minh n n m 2025 và t m nhìn n n m 2050.
9. Q s 914/Q -BXD (14/09/2009) v vi c thành l p H i ng th m nh h s ng ký t ch c b i d ng nghi p v giám sát thi công xây d ng công trình.
10. CV s 2214/BXD-KTXD (21/10/2009) v vi c h ng d n l p d toán i u ch nh theo TT s 09/2008/TT-BXD.

### Ngân hàng Nhà n c

1. CV s 5984/NHNN-CSTT (04/09/2009) v vi c ki m soát tín d ng trong nh ng tháng cu i n m 2009.
2. TT s 20/2009/TT-NHNN (07/09/2009) quy nh th i h n b o qu n h s , tài li u trong ngành Ngân hàng.
3. TT s 21/2009/TT-NHNN (09/10/2009) v vi c s a i, b sung m t s i u c a TT s 05/2009/TT-NHNN ngày 07/4/2009 c a Ngân hàng Nhà n c Vi t Nam quy nh chi ti t thi hành vi c h tr lãi su t i v i các t ch c, cá nhân vay v n trung, dài h n ngân hàng th c hi n u t m i phát tri n s n xu t – kinh doanh.

### T ng C c thu

1. CV s 3778/TCT-TTr (17/09/2009) v vi c t ng c ng công tác thanh tra, ki m tra, x lý vi ph m v th c hi n ngh a v thu .
2. CV s 3828/TCT-CS (21/09/2009) v vi c chính sách thu i v i nhà th u n c ngoài.
3. CV s 3846/TCT-CS (21/09/2009) v vi c gi m thu giá tr gia t ng.
4. CV s 3847/TCT-TNCN (21/09/2009) v vi c h ng d n th c hi n Lu t thu thu nh p cá nhân.
5. CV s 3899/TCT-CS (23/09/2009) v vi c l p hóa n giá tr gia t ng.
6. CV s 3929/TCT-TNCN (24/09/2009) v vi c thu thu nh p cá nhân i v i ho t ng chuy n nh ng b t ng s n.
7. CV s 3939/TCT-CS (25/09/2009) v vi c thu giá tr gia t ng.
8. CV s 3947/TCT-CS (25/09/2009) v vi c l p hóa n và kh u tr thu giá tr gia t ng trong tr ng h p i lý t i Vi t Nam thu h H ng giao nh n kho v n, chuy n phát n c ngoài.
9. CV s 3948/TCT-CS (25/09/2009) v vi c hóa n t in.
10. CV s 4022/TCT-TNCN (01/10/2009) v vi c thu thu nh p cá nhân i v i b t ng s n.
11. CV 4023/TCT-CS (01/10/2009) v vi c thu su t thu giá tr gia t ng c a qu ng apatit.
12. CV s 4028/TCT-KK (01/10/2009) v vi c h ng d n kê khai thu GTGT, thu nh p doanh nghi p.
13. CV s 4055/TCT-KK (02/10/2009) v thu TT B.
14. CV s 4121/TCT-CS (06/10/2009) v chính sách thu GTGT, TNDN, l phí tr c b , hóa n ch ng t .
15. CV s 4195/TCT-CS (13/10/2009) v thu su t thu GTGT.
16. CV s 4198/TCT-CS (13/10/2009) v thu GTGT.
17. CV s 3744/TCT-CS (15/10/2009) v vi c x lý vi ph m pháp lu t v thu .
18. CV s 4264/TCT-CS (16/10/2009) v thu TT B i v i th h i viên sân gôn.
19. CV s 3884/TCT-CS (17/09/2009) v vi c hóa n t in.
20. CV s 3739/TCT-PC (17/09/2009) v vi c chính sách thu i v i hàng hóa b h h ng, t n th t.
21. CV s 3824/TCT-CS (18/09/2009) v vi c d ch v xu t kh u.
22. CV s 3848/TCT-CS (21/09/2009) v vi c chính sách thu giá tr gia t ng.
23. CV s 4359/TCT-KK (24/10/2009) v khâu tr , hoàn thu GTGT
24. CV s 4008/TCT-KK (30/09/2009) v vi c hoàn thu giá tr gia t ng.

### T ng C c H i quan

4. CV s 5892/TCHQ-GSQL (01/09/2009) v vi c xác nh n th c xu t trên t khai h i quan.
5. CV s 5346/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v vi c nh p kh u s n ph m t gia công n c ngoài v VN khi h p ng gia công ã h t h n.
6. CV s 5372/TCHQ-GSQL (09/09/2009) v vi c th t c nh p kh u nguyên li u vào KNO r i xu t bán cho DNCX.
7. CV s 5381/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c v ng m c hoàn thu .
8. CV s 5382/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c xác nh n Danh m c mi n thu d án u t .
9. CV s 5385/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c th t l c danh m c mi n thu .
10. CV s 5386/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c v ng m c hoàn thu .
11. CV s 5391/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c chính sách thu i v i hàng nh p kh u thu c d án u t .
12. CV s 5400/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v vi c x lý thu hàng t m nh p – tái xu t tiêu h y.

13. CV s 5401/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v/vi c/v ng m c h s thanh kho n.
14. CV s 5406/TCHQ-GSQL (10/09/2009) v/vi c chuy n nguyên ph li u trong quá trình th c hi n h p ng gia công.
15. CV s 5407/TCHQ-GSQL (10/09/2009) v/vi c l y m u nguyên li u gia công.
16. CV s 5391/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v/vi c chính sách thu i v i hàng nh p kh u thu c d án u t .
17. CV s 5400/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v/vi c x lý thu hàng t m nh p – tái xu t tiêu h y.
18. CV s 5403/TCHQ-KTTT (10/09/2009) v/vi c n i dung b sung, s a i N 85/2007/ND-CP.
19. CV s 5549/TCHQ-GSQL (10/09/2009) v/vi c v ng m c C/O.
20. CV s 5420/TCHQ-KTTT (11/09/2009) v/vi c thu nh p kh u d án u ãi u t .
21. CV s 5451/TCHQ-GSQL (14/09/2009) v/vi c tr l i ki n ngh c a doanh nghi p.
22. CV s 5453/TCHQ-KTTT (14/09/2009) v/vi c mi n thu hàng quà t ng.
23. CV s 5482/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v/vi c phân lo i hàng hóa nh p kh u.
24. CV s 5478/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v/vi c nh p kh u ng i v i khu phi thu quan.
25. CV s 5485/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v/vi c v ng m c khi th c hi n TT s 18/2009/TT-BXD.
26. CV s 5478/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v/vi c nh p kh u ng i v i khu phi thu quan.
27. CV s 5499/TCHQ-KTTT (16/09/2009) v/vi c gi i t a c ng ch .
28. CV s 5611/TCHQ-KTTT (21/09/2009) v/vi c v ng m c thu GTGT.
29. CV s 5615/TCHQ-GSQL (21/09/2009) v/vi c v ng m c C/O.
30. CV s 5618/TCHQ-KTTT (21/09/2009) v/vi c x lý ti n ph t n p ch m.
31. CV s 5619/TCHQ-KTTT (21/09/2009) v/vi c hoàn thu nh p kh u.
32. CV s 5647/TCHQ-KTTT (22/09/2009) v/vi c mi n thu hàng hóa nh p kh u.
33. CV s 5659/TCHQ-KTTT (22/09/2009) v/vi c ti p nh n khi u n i.
34. CV s 5635/TCHQ-GSQL (22/09/2009) v/vi c a i m ng ký danh m c.
35. CV s 5636/TCHQ-GSQL (22/09/2009) v/vi c ng ký danh m c hàng hóa t o nh p kh u t o tài s n c nh.
36. CV s 5761/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c xem xét a m t hàng cát xu t nh p kh u vào danh m c m t hàng tr ng i m.
37. CV s 5762/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c v ng m c th t c hoàn thu .
38. CV s 5765/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c u ãi thu i v i m t hàng nh p kh u thu c d án ODA.
39. CV s 5771/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c th t c hoàn ti n thu , ti n ph t n p th a.
40. CV s 5759/TCHQ-GSQL (28/09/2009) v/vi c v ng m c v th t c h i quan.
41. CV s 5764/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c u ãi thu i v i hàng nh p kh u thu c d án ODA.
42. CV s 5781/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c thu nh p kh u hàng hóa t o tài s n c nh.
43. CV s 5778/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c v ng m c h s hoàn thu .
44. CV s 5779/TCHQ-KTTT (28/09/2009) v/vi c n p thu nh p kh u.
45. CV s 5798/TCHQ-KTTT (29/09/2009) v/vi c xác nh n i u ki n h ng u ãi u t .
46. CV s 5798/TCHQ-KTTT (29/09/2009) v/vi c xác nh n i u ki n h ng u ãi u t .
47. CV s 5896/TCHQ-GSQL (01/10/2009) v/vi c th t c h i quan và chính sách thu i v i nguyên li u, linh ki n nh p kh u.
48. CV s 5921/TCHQ-GSQL (02/10/2009) v/vi c hàng hóa xu t nh p kh u qua c a kh u ph , l i m n m ngoài Khu Kinh t c a kh u.
49. CV s 5931/TCHQ-KTTT (02/10/2009) v/vi c ban hành danh m c m t hàng qu n lý r i ro v giá và d li u kèm theo.
50. CV s 5960/TCHQ-KTTT (05/10/2009) v/vi c thu tiêu th c bi t ve ô tô ki m soát t n s .
51. CV s 5964/TCHQ-KTTT (05/10/2009) v/vi c xác nh tr giá tính thu .
52. CV s 5942/TCHQ-KTTT (05/10/2009) v/vi c x lý thu giá tr gia t ng hàng nh p kh u.
53. CV s 5338/TCHQ-GSQL (09/10/2009) v/vi c quy n XK, NK theo N 90/2007/ND-CP.
54. CV s 5427/TCHQ-KTTT (11/09/2009) v/vi c x lý n thu .
55. CV s 5440/TCHQ-KTTT (14/09/2009) v/vi c xem xét gi i quy t khi u n i.
56. CV s 5469/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v/vi c th t c h i quan.
57. CV s 5477/TCHQ-GSQL (15/09/2009) v/vi c ph i h p làm vi c gi i quy t v ng m c.
58. CV s 5931/TCHQ-KTTT (02/10/2009) v/vi c ban hành danh m c m t hàng qu n lý r i ro v giá và d li u kèm theo.
59. CV s 5951/TCHQ-GSQL (05/10/2009) v/vi c xu t kh u m t hàng phối nh om.
60. CV s 5991/TCHQ-KTTT (06/10/2009) v/vi c ô tô thanh lý nh p kh u t khu ch xu t vào th tr ng n i a.
61. CV s 5994/TCHQ-GSQL (06/10/2009) v/vi c v ng m c v nguyên li u gia công cung ng và chính sách thu .

